TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2024/DS-PT
Ngày 10-01-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn.
Các Thẩm phán: Bà Bạch Thị Hồng Hoa.
Bà Hoàng Ngọc Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Ông Phạm Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2023/QĐPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần B. Địa chỉ: Tầng 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Th, số 210 đường Tr, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T - Tổng giám đốc.

Chi nhánh tại Hòa Bình - Địa chỉ: Số 681, phường Ph, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Đại diện: Ông Nguyễn Văn Đ' - Giám đốc. Người được ủy quyền: Ông Phạm Tiến L - Chuyên viên xử lý nợ (giấy ủy quyền ngày 08/9/2023).

2. Bị đơn: Công ty TNHH G. Địa chỉ: Số nhà 25, khu T (nay là khu Đ), thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung Th - Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Trung H, sinh năm 1976; bà Phạm Thị L, sinh năm 1981 và ông Lê Quý Đ, sinh năm 1948. Đều trú tại: Khu T (nay là khu Đ), thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Trung H, bà Phạm Thị L và ông Lê Quý Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Hòa Bình trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Hòa Bình (viết tắt là Ngân hàng B) có cho Công ty TNHH G (Công ty G) vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 1631/2016/HDTD-LPB.HB ngày 13/12/2016: Công ty G vay Ngân hàng B.

- Hạn mức vay: 656.000.000đ.

- Mục đích vay: Mua ô tô phục vụ kinh doanh.

- Thời hạn vay: 48 tháng.

- Lãi suất cho vay: 10,5% trong 3 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Từ tháng thứ tư trở đi đến hết thời hạn vay, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng B.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên bao gồm: Xe ô tô tải (có mui) 6,4 tấn, nhãn hiệu THACO, BKS 28C- 036.04. Và xe ô tô tải (có mui) 1,9 tấn, nhãn hiệu THACO, BKS 28C-037.93.

2. Hợp đồng tín dụng số HDTD2002018724 ngày 19/7/2018: Công ty giống cây trồng vay Ngân hàng B.

- Hạn mức tín dụng: 1.300.000.000đ.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nông, lâm sản và phân bón, giống cây trồng.

- Thời hạn, hiệu lực HMTD là: 12 tháng kể từ ngày 19/7/2018 đến hết ngày 19/7/2019.

Trên cơ sở Hợp đồng hạn mức tín dụng, ngày 01/02/2019 Ngân hàng B đã giải ngân số tiền 1.300.000.000đ cho Công ty G theo Khế ước nhận nợ số KU2002018724 và khế ước nhận nợ số KU2002018724-1 với thỏa thuận như sau:

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng (được tính trên cơ sở một năm 365 ngày): 8,75%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo lãi suất huy động tiết kiệm thường kỳ 13 tháng, lãi suất cuối kỳ của Ngân hàng B tại thời điểm điều chỉnh lãi suất + Biên độ tối thiểu 3%/năm.

- Thời hạn: 06 tháng kể từ ngày 01/02/2019 đến ngày 01/08/2019.

- Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ khế ước nhận nợ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên bao gồm 03 tài sản sau:

Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ: Khu T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 974404, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H 00627 do UBND huyện K, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 25/11/2007 mang tên ông Lê Trung H. Tài sản thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Tài sản 2: 01 xe ô tô tải (có mui) 1,9 tấn, nhãn hiệu THACO, số loại: K190-CS/MB1, màu trắng, số khung: RNHA440AKGC015595, số máy: J2-760225; BKS: 28C-037.93, Giấy đăng ký xe ô tô số 006303 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 12/12/2016 mang tên Công ty G. Hợp đồng thế chấp số 1631A/2016/HDTC/LPB.HB.

Tài sản 3: 01 xe ô tô tải pickup cabin nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER WILDTRAK, số khung: MNCUMFF80FW320169, số máy: P4AT1219342, màu trắng, 05 chỗ ngồi, BKS: 28C-018.54, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001175 do Phòng CSGT Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 09/01/2015 mang tên Công ty G. Hợp đồng thế chấp số 724/2018/HDTC/CNHOA BINH. Các hợp đồng thế chấp ô tô đều được công chứng theo quy định.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng:

Đối với hợp đồng tín dụng số 1631/2016/HDTD-LPB.HB ngày 13/12/2016 vay số tiền gốc 656.000.000đ, đến ngày 15/5/2020 Công ty G đã thanh toán toàn bộ cả gốc và lãi phát sinh. Trong đó có bán thanh lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải (có mui) 6,4 tấn, nhãn hiệu THACO, BKS 28C-036.04.

Đối với hợp đồng tín dụng số HDTD2002018724 ngày 19/7/2018, Công ty G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến hạn kể từ ngày 01/08/2019 và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 06/9/2023, tổng dư nợ của Công ty G còn nợ Ngân hàng B là 1.422.894.949đ (Một tỷ, bốn trăm hai hai triệu, tám trăm chín tư nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc là 701.018.958đ; nợ lãi trong hạn là 486.082.624đ; nợ lãi quá hạn là 235.793.367đ. Do Công ty G vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng B đã khởi kiện và đề nghị:

- Buộc Công ty G phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B theo Hợp đồng hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên với tổng số tiền tính đến ngày 06/9/2023 là 1.422.894.949đ. Trong đó: Nợ gốc là 701.018.958đ; nợ lãi trong hạn là 486.082.624đ; nợ lãi quá hạn là 235.793.367đ.

- Buộc Công ty G phải thanh toán cho Ngân hàng B số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ từ ngày 07/9/2023 đến ngày Công ty G thanh toán dứt điểm nợ vay.

- Trong trường hợp Công ty G không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B được quyền xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết để Ngân hàng B thu hồi nợ.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng B có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác minh, cưỡng chế, kê biên phát mại tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty G để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Công ty G phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí tố tụng liên quan trong vụ án.

Bị đơn Công ty TNHH G (viết tắt Công ty G) trình bày:

Ngày 13/12/2016, Công ty G vay Ngân hàng B số tiền 656.000.000đ. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm: 01 xe ô tô tải (có mui) 6,4 tấn, nhãn hiệu THACO, BKS 28C-036.04 và 01 xe ô tô tải (có mui) 1,9 tấn, nhãn hiệu THACO, BKS 28C-037.93.

Ngày 19/7/2018, Công ty G có ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng B để vay số tiền 1.300.000.000đ bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nông, lâm sản, phân bón, giống cây trồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ: Khu T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 974404, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H00627 do UBND huyện K, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 25/11/2007 mang tên ông Lê Trung H.

- 01 xe ô tô tải (có mui) 1,9 tấn, nhãn hiệu THACO, BKS 28C-037.93, giấy đăng ký mang tên Công ty G.

- 01 xe ô tô tải pickup cabin nhãn hiệu FORD, BKS 28C-018.54, giấy đăng ký mang tên Công ty G.

Công ty G đã thanh toán cho Ngân hàng B toàn bộ cả gốc và lãi phát sinh đối với hợp đồng tín dụng số 1631/2016/HDTD-LPB.HB ngày 13/12/2016, trong đó có bán thanh lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải (có mui) 6,4 tấn nhãn hiệu

THACO, BKS 28C - 036.04. Hiện còn nợ tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.422.894.949đ (theo hợp đồng tín dụng số HDTD2002018724 ngày 19/7/2018) như đại diện Ngân hàng B trình bày là đúng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Ông Lê Trung H, bà Phạm Thị L trình bày:* Vợ chồng ông bà có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Khu T (nay là khu Đ), thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình cho Công ty G vay tiền tại Ngân hàng B nhưng không đồng ý sử dụng tài sản trên để đảm bảo việc trả nợ vì đây là tài sản chung của cả gia đình, trong đó có cả phần của bố mẹ là ông Lê Quý Đ, bà Quách Thị H.

- *Ông Lê Quý Đ trình bày:* Tiền xây nhà trên thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Khu T (nay là khu Đ), thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình do hai vợ chồng ông bà bỏ ra, thửa đất này do ông tặng cho con là anh H. Ông không đồng ý sử dụng tài sản trên để đảm bảo việc trả nợ của Công ty G.

Bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117, 298, 299, 317, 320, 323, 398, 401, 463 Bộ luật Dân sự. Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty G. Buộc Công ty G phải trả cho Ngân hàng B tổng số tiền là 1.422.894.949đ. Trong đó: Nợ gốc là 701.018.958đ; nợ lãi trong hạn là 486.082.624đ; nợ lãi quá hạn là 235.793.367đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty G tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc này. Trường hợp Công ty G không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 241,1m^2 và nhà cấp 4 hai tầng (như trong hợp đồng thế chấp), thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Khu T (nay là khu Đ), thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê

Trung H, bà Phạm Thị L, ông Lê Quý Đ, bà Quách Thị H phải bàn giao tài sản thế chấp để xử lý theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 19/9/2023, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Trung H, bà Phạm Thị L, ông Lê Quý Đ kháng cáo về nội dung tài sản thế chấp bảo đảm khoản vay nợ của Công ty G.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 14/12/2023 các đương sự đã thoả thuận về việc Công ty G có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng B theo lộ trình:

- Đến hạn cuối ngày 15/01/2024 sẽ trả toàn bộ tiền gốc vay nợ còn lại;

- Đến hạn cuối ngày 30/6/2024 trả toàn bộ tiền lãi trong hạn theo bản án sơ thẩm là 458.082.624đ.

- Đến hạn cuối ngày 30/9/2024 trả toàn bộ tiền nợ quá hạn, tất toán thanh lý hợp đồng (nếu không được miễn). Nếu anh Th trả đủ tiền gốc trước 31/12/2023, phía Ngân hàng sẽ giảm tiền lãi quá hạn cho anh Th số tiền 30.000.000đ. Nếu công ty không thực hiện như cam kết thì phát mại tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự giữ nguyên nội dung đã trình bày, người kháng cáo giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn là hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, phải xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại và Tòa án thụ lý để giải quyết, cấp sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự là không đúng.

Nguyên đơn đã rút yêu cầu một phần nội dung khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng số 1631/2016/HDTD-LPB.HB ngày 13/12/2016 với lý do bị đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên phần quyết định của bản án lại không áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với nội dung yêu cầu đương sự đã rút là thiếu sót.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận tự nguyện của các bên, đã được công chứng do vậy các bên ký kết phải tuân thủ thực hiện và chịu trách nhiệm về nội dung đã ký kết. 02 xe ô tô là tài sản thế chấp nhưng bản án sơ

thẩm không ghi vào phần quyết định để xử lý bảo đảm khoản vay nợ là thiếu sót. Hiện tại Công ty đã chủ động bán tài sản là chiếc xe ô tô tải BKS: 28C-037.93 để trả nợ cho Ngân hàng còn chiếc xe xe ô tô tải BKS: 28C-018.54 các bên thống nhất được khắc phục ghi vào trong bản án phúc thẩm để bảo đảm cho việc trả nợ nên cần được chấp nhận.

Từ những nội dung trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo để sửa bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hoà Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét.

Người kháng cáo chị Phạm Thị L và anh Lê Trung H đề nghị xét xử vắng mặt, có ủy quyền cho ông Lê Quý Đ tham gia phiên tòa xét xử phúc thẩm để trình bày ý kiến.

Người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo và những người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Hòa Bình cho Công ty TNHH G (có đăng ký kinh doanh) vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 1631/2016/HDTD-LPB.HB ngày 13/12/2016 và Hợp đồng tín dụng số HDTD2002018724 ngày 19/7/2018. Theo Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Như vậy phải xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại và Tòa án thụ lý để giải quyết, cấp sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự là không đúng.

2.2. Trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 04/8/2020, nguyên đơn đã rút một phần nội dung khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng số 1631/2016/HDTD-LPB.HB ngày 13/12/2016 (BL 70) bản án sơ thẩm có nhận định về nội dung này với lý do bị đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên phần quyết định của bản án lại không áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ

xét xử đối với nội dung yêu cầu đương sự đã rút là thiếu sót, cần được khắc phục tại cấp phúc thẩm, bởi lẽ theo Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút".*

[3] Về nội dung kháng cáo:

3.1. Đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất:

Để bảo đảm cho các khoản vay nợ của Ngân hàng, các bên gồm (bên vay Công ty TNHH G, bên thế chấp là ông Lê Trung H và bà Phạm Thị L, bên nhận thế chấp Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Hòa Bình) đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1735/2016/HDTC/ LPB.HB ngày 15/12/2016 thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tại địa chỉ: Khu T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 974404, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H00627 do UBND huyện K, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 25/11/2007 mang tên ông Lê Trung H.

Tại mục 11.2 Điều 11 của hợp đồng thế chấp có ghi: "Hợp đồng này được sử dụng cho nhiều lần vay bảo lãnh hoặc các hình thức cấp tín dụng khác để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp và/ hoặc bên vay. Bên thế chấp chấp nhận nội dung tất cả các điều khoản trong các hợp đồng tín dụng, kể cả trong trường hợp bên thế chấp không ký tên trên các hợp đồng cam kết này".

Như vậy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết dựa trên sự thoả thuận giữa các bên, tuân theo các điều kiện, nội dung, hình thức chuyển quyền sử dụng đất được Bộ luật Dân sự và pháp luật đất đai quy định; theo đó bên sử dụng đất dùng quyền sử dụng đất của mình đi thế chấp để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ dân sự, cấp sơ thẩm quyết định trường hợp Công ty G không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng B là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo về nội dung này.

3.2. Đối với tài sản bảo đảm là xe ô tô:

Để bảo đảm cho các khoản vay nợ của Ngân hàng, Công ty đã thế chấp:

- 01 xe ô tô tải (có mui) 1,9 tấn, nhãn hiệu THACO; BKS: 28C-037.93, chủ xe Công ty G (Hợp đồng thế chấp số 1631A/2016/HDTC/LPB.HB ngày 13/12/2016);

- 01 xe ô tô tải pickup cabin nhãn hiệu FORD, BKS: 28C-018.54, chủ xe Công ty G (Hợp đồng thế chấp số 724/2018/HDTC/CNHOA BINH ngày 19/7/2018).

Các hợp đồng thế chấp này được ký kết dựa trên sự tự nguyện của các chủ thể có đủ năng lực pháp luật dân sự, hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội được công chứng theo quy định, tuy nhiên trong bản án sơ thẩm chỉ ghi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, không có 02 ô tô là không đúng quy định, bởi lẽ hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết, hợp đồng có hiệu lực pháp luật thì việc không xác định được ô tô là tài sản thế chấp ở đâu tại thời điểm tranh chấp không làm vô hiệu hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Do đó, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (Theo nội dung giải đáp số 196/TANDTC-PC ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tối cao).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty đã chủ động bán tài sản là chiếc xe ô tô tải BKS: 28C-037.93 để trả nợ cho Ngân hàng (Ngân hàng đã công nhận), còn chiếc xe xe ô tô tải BKS: 28C-018.54 các bên thống nhất được khắc phục ghi vào trong bản án phúc thẩm để bảo đảm cho việc trả nợ. Xét nội dung này là đúng quy định của pháp luật và khắc phục được thiếu sót của cấp sơ thẩm nên được chấp nhận.

3.3. Về số tiền Ngân hàng yêu cầu công ty phải trả nợ:

Căn cứ vào số liệu Ngân hàng cung cấp cho Tòa án tại phiên tòa cho thấy: Khoản tiền gốc tính đến ngày xét xử phúc thẩm 10/01/2024 là 99.018.958đ, tiền lãi trong hạn 486.082.624đ, tiền nợ quá hạn 235.793.637đ. Các đương sự thống nhất trách nhiệm trả nợ theo lộ trình:

- Đến hạn cuối ngày 15/01/2024 sẽ trả toàn bộ tiền gốc vay nợ còn lại;
- Đến hạn cuối ngày 30/6/2024 trả toàn bộ tiền lãi trong hạn;
- Đến hạn cuối ngày 30/9/2024 trả toàn bộ tiền nợ quá hạn.

Nhận thấy sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.4. Cấp sơ thẩm buộc Công ty G phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ, tại phiên tòa Ngân hàng có ý kiến không yêu cầu Công ty phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền này, do vậy được Hội đồng chấp nhận.

[4] Cấp sơ thẩm còn có một số thiếu sót nêu trên, tuy nhiên không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm, các nội dung này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản

án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình theo hướng đã nhận định trên.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí được thực hiện theo khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: "Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo thì đương sự kháng cáo liên quan đến phần bản án, quyết định phải sửa không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm phải xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết này". Buộc Công ty TNHH G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 36.626.848đ (Làm tròn: 36.627.000đ)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Sửa bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hoà Bình. Cụ thể:

1. Áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ xét xử đối với nội dung Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Hòa Bình khởi kiện Công ty TNHH G đối với hợp đồng tín dụng số 1631/2016/HDTD-LPB.HB ngày 13/12/2016.

2. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 117, 298, 299, 317, 320, 323, 398, 401, 463 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Hòa Bình về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty TNHH G.

Buộc Công ty TNHH G phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần G tổng số tiền là: 820.894.949đ (Tám trăm hai mươi triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc là 99.018.958đ, nợ lãi trong

hạn là 486.082.624đ, nợ lãi quá hạn là 235.793.637đ. Các bên đương sự thống nhất trách nhiệm trả nợ theo lộ trình:

- Đến hạn cuối ngày 15/01/2024 trả toàn bộ tiền gốc vay nợ còn lại;
- Đến hạn cuối ngày 30/6/2024 trả toàn bộ tiền lãi trong hạn;
- Đến hạn cuối ngày 30/9/2024 trả toàn bộ tiền nợ quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH G tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc này.

Trường hợp Công ty TNHH G không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Hòa Bình có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

- Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 241,1m^2 và nhà cấp 4, hai tầng thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ: Khu T (nay là khu Đ), thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 974404, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H00627 do UBND huyện K, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 25/11/2007 mang tên ông Lê Trung H (hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1735/2016/HDTC/LPB.HB ngày 15/12/2016);

- Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải pickup cabin nhãn hiệu FORD, BKS: 28C-018.54 (hợp đồng thế chấp số 724/2018/HDTC/CNHOABINH ngày 19/7/2018).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Trung H, bà Phạm Thị L, ông Lê Quý Đ, bà Quách Thị H phải bàn giao tài sản thế chấp để xử lý theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 36.627.000đ (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Hòa Bình số tiền tạm ứng án phí 28.931.000đ (Hai mươi tám triệu, chín trăm ba mươi mốt nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001473 ngày 03/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình.

4. Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà Phạm Thị L số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005652 ngày 19/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (10/01/2024)./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND H. K;
- TAND H. K;
- Chi cục THADS H. K;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
-Lưu: TH, tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Quang Tuấn